Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

KHU A

N

TỶ LỆ XÍCH

1000 500 1500

A.DV15 78084 40-70 1-5T DV-TM
A.DV14 102425 40-70 1-5T DV-TM
A.DV13 80088.78 40-70 1-5T DV-TM
A2 190136.77 40-70 1-5T CN
A3 392325.92 40-70 1-5T CN
A1 240184.7 40-70 1-5T CN
A4 544874.56 40-70 1-5T CN
A5 487648.6 40-70 1-5T CN
A6 674867.6 40-70 1-5T CN
A7 537130 40-70 1-5T CN
A8 504418.1 40-70 1-5T CN
A9 261789.66 40-70 1-5T CN
A10 308446.42 40-70 1-5T CN
A11 308173 40-70 1-5T CN-B
A12 412095 40-70 1-5T CN-B
A13 269371 40-70 1-5T CN-B
A14 326258 40-70 1-5T CN-B
A15 326314.27 40-70 1-5T CN-B
A16 307501 40-70 1-5T CN-B
A17 310819 40-70 1-5T CN
A18 305124 40-70 1-5T CN
A19 376808.6807 40-70 1-5T CN
A20 382797 40-70 1-5T CN
A21 378173.4 40-70 1-5T CN-B
A22 55450.72 40-70 1-5T CN-B
A23 329386 40-70 1-5T CN-B
A24 62619.28 40-70 1-5T CN-B
A25 309855 40-70 1-5T CN-B
A26 245779 40-70 1-5T CN-B
A27 341861 40-70 1-5T CN-B
A28 425411 40-70 1-5T CN-B
A29 431762.58 40-70 1-5T CN-B
A30 410426 40-70 1-5T CN
A31 434538 40-70 1-5T CN
A32 191835 40-70 1-5T CN
A33 220078 40-70 1-5T CN
A34 428457 40-70 1-5T CN
A35 309884 40-70 1-5T CN-B
A36 150115 40-70 1-5T CN-B
A37 56844 40-70 1-5T CN-B
A38 278959 40-70 1-5T CN-B
A39 259264 40-70 1-5T CN-B
A40 368156.25 40-70 1-5T CN-B
A41 380655 40-70 1-5T CN-B
A42 384697 40-70 1-5T CN
A43 358134.18 40-70 1-5T CN
A44 98389.38 40-70 1-5T CN
A45 97225,3 40-70 1-5T CN
AK1 330328.63 40-70 1-5T KT-NL
AK2 132253.7 40-70 1-5T KT-NL
AK3 134191 40-70 1-5T KT-TP
AK4 111489.35 40-70 1-5T KT-TP
AK5 169591.54 40-70 1-5T KT-TP
AK6 276280.5 40-70 1-5T KT-TP
A.DV1 48778 40-70 1-5T TT-GTSP
A.DV2 47168 40-70 1-5T TT-GTSP
A.DV3 46021 40-70 1-5T DV-SX
A.DV4 49589 40-70 1-5T DV-SX
A.DV5 64961 40-70 1-5T VH-GTR
A.DV6 40864 25 1-5T CVIEN
A.DV7 39980.4 40-70 1-5T DV-TM
A.DV8 34974 40-70 1-5T DV-TM
A.DV9 27746 40-70 1-5T DV-TM
A.DV10 38112.3 40-70 1-5T DV-TM
A.DV11 8361 40 2T CX-NGOC

T3 - 110/22KV 2x80MVA
KT
T4 - 110/22KV 2x80MVA
KT
TDP - 110/22KV 2x80MVA
KT
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
kênh số II

xã An Long
huyện Phú Giáo
tỉnh Bình Dương

Hướng đi

KÝ HIỆU

- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH ĐÔ THỊ
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY & HLBV ĐIỆN
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP ÍT Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ 220/110KV VÀ110/22KV
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- TRẠM CẤP NƯỚC
- HỒ ĐIỀU HÒA
- RANH KHU QUY HOẠCH

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Quyết định 1025/QĐUBND ngày 17/5/2018		Điều chỉnh cục bộ	
		DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)
A	**TỔNG DT ĐẤT CÔNG NGHIỆP**	**24,482,732**		**24,482,732**	
I	**KHU CÔNG NGHIỆP**	**24,316,249**		**24,316,249**	
1	**Đất nhà máy, xí nghiệp**	16,925,191	69.60	**16,833,793**	**69.23**
2	**Đất kho tàng, bến bãi**	1,121,131	4.61	**1,154,135**	**4.75**
3	**Đất khu dịch vụ**	721,338	2.97	721,338	2.97
4	**Đất giao thông**	**2,450,679**	**10.08**	**2,578,112**	**10.60**
5	**Đất cây xanh**	**2,683,424**	**11.04**	**2,694,226**	**11.08**
6	**Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)**	**414,487**	**1.70**	**334,645**	1.38
	Khu xử lý nước thải	126,810		126,810	
	Trạm điện, hành lang đường điện	**59,843**		**49,275**	
	Kênh	**150,724**		**81,450**	
	suối	77,110		77,110	
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	166,483		166,483	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27,097		27,097	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139,386		139,386	

(KHU B)
(KHU A)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ...1...NGÀY ...10...THÁNG ...8...NĂM ...2020...
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ .....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....
CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT (KHU A)

BẢN VẼ : 02	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ TẤN VINH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN HỮU PHI		
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		

BECAMEX — P. TỔNG GIÁM ĐỐC — NGUYỄN HOÀN VŨ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC
ĐỊA CHỈ: SỐ 8-ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG; ĐIỆN THOẠI: 0274.3822655, FAX: 0274.3822713

PHÊ DUYỆT — PHÓ GIÁM ĐỐC — Võ Tất Dũng
TỔNG GIÁM ĐỐC — NGUYỄN THANH NHÃ

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT
KHU B

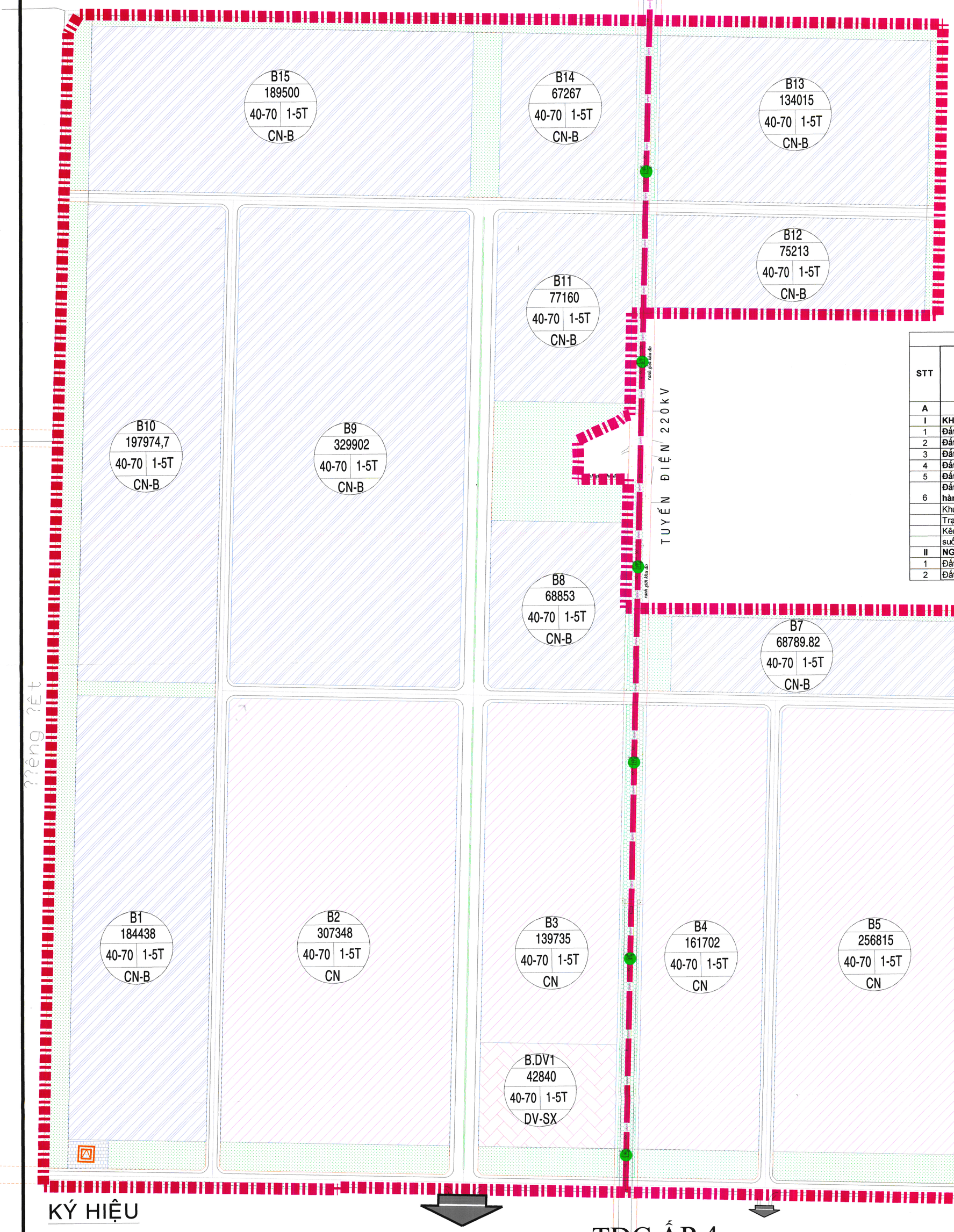

N

100m 200m
50m 150m 250m

TỶ LỆ XÍCH

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Quyết định 1025/QĐUBND ngày 17/5/2018		Điều chỉnh cục bộ	
		DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)
A	**TỔNG DT ĐẤT CÔNG NGHIỆP**	**24,482,732**		**24,482,732**	
I	**KHU CÔNG NGHIỆP**	**24,316,249**		**24,316,249**	
1	**Đất nhà máy, xí nghiệp**	16,925,191	69.60	**16,833,793**	**69.23**
2	**Đất kho tàng, bến bãi**	1,121,131	4.61	**1,154,135**	**4.75**
3	**Đất khu dịch vụ**	721,338	2.97	721,338	2.97
4	**Đất giao thông**	**2,450,679**	**10.08**	**2,578,112**	**10.60**
5	**Đất cây xanh**	**2,683,424**	**11.04**	**2,694,226**	**11.08**
6	**Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)**	**414,487**	**1.70**	**334,645**	1.38
	Khu xử lý nước thải	126,810		126,810	
	Trạm điện, hành lang đường điện	**59,843**		**49,275**	
	Kênh	**150,724**		**81,450**	
	suối	77,110		77,110	
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	166,483		166,483	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27,097		27,097	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139,386		139,386	

KÝ HIỆU

- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- HÀNH LANG BẢO VỆ ĐƯỜNG ĐIỆN
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP ÍT Ô NHIỄM
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ
- RANH KHU QUY HOẠCH

DIỆN TÍCH (M2) — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG(%) — TẦNG CAO

CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

TĐC ẤP 4

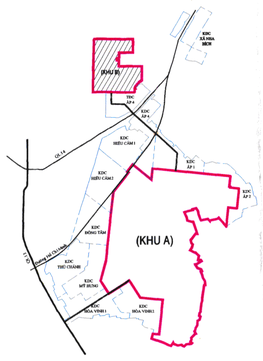

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY 16 THÁNG 9 NĂM 2020

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THANH NHÃ
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT (KHU B)

BẢN VẼ : 02	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ TẤN VINH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN HỮU PHI		
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		

BECAMEX — KT. TỔNG GIÁM ĐỐC — NGUYỄN HOÀN VŨ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC
ĐỊA CHỈ: SỐ 8 ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG; ĐIỆN THOẠI: 0274.3822655, FAX: 0274.3822713

BM-35-01-20080001

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2311 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 9 năm 2020*

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2822
Ngày 20 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu Công nghiệp Becamex Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 về điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Becamex Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 về điều chỉnh Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung đô thị Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2290/TTr-SXD ngày 8/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Becamex - Bình Phước với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh vị trí trạm biến áp 110kv (khu B) theo quy hoạch được duyệt nằm tiếp giáp đường N4B sang vị trí mới tiếp giáp đường N3B. Sau khi điều chỉnh, phần diện tích vị trí trạm biến áp cũ điều chỉnh thành đất cây xanh và đất nhà máy.

2. Điều chỉnh bỏ, bổ sung tuyến kênh thoát nước mặt:

2.1. Điều chỉnh bỏ:

a) Đoạn kênh thoát nước dọc theo đường N13 Khu công nghiệp.

b) Đoạn kênh dọc theo đường D2 từ nút giao N11-D2 đến nút giao N25-D2.

c) Đoạn kênh dọc theo đường N11 đoạn cách đường D2 khoảng 240m đến nút giao N14-D10.

2.2. Điều chỉnh bổ sung:

a) Đoạn kênh số 1 thoát nước mặt dọc theo đường D1 đoạn từ N11 đến suối Cái.

b) Đoạn kênh số 2 dọc đường D9 từ nút giao N14-D9 đến phần giáp ranh và đi dọc theo dải cây xanh cách ly xuống dọc đường D14 và dọc đường N25.

3. Điều chỉnh các nút giao và mở rộng lộ giới đường D9:

3.1. Điều chỉnh các nút giao vòng xoay thành đường cong mềm gồm: nút giao đường D1- N38.

3.2. Điều chỉnh mở rộng lộ giới đường D9 từ 25m lên 80m.

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh

STT	Đất sử dụng	Quyết định 1025/QĐUBND ngày 17/5/2018		Điều chỉnh cục bộ		Tỷ lệ (%) theo QCXD: 01/2020
		Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	
	Tổng diện tích đất công nghiệp	**24.482.732**		**24.482.732**		
I	**Khu công nghiệp**	**24.316.249**	**100**	**24.316.249**	**100**	
1	Đất nhà máy, xí nghiệp	16.925.191	74,21	16.833.793	73,97	
2	Đất kho tàng, bến bãi	1.121.131		1.154.135		
3	Đất khu hành chính,dịch vụ	721.338	2,97	721.338	2,97	
4	Đất giao thông	2.450.679	10,08	2.578.112	10,60	≥ 10
5	Đất cây xanh	2.673.424	11,04	2.694.226	11,08	≥ 10
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)	414.487	1,70	334.645	1,38	≥ 1

	Khu xử lý nước thải	126.810		126.810		
	Trạm điện, hành lang đường điện	59.843		49.275		
	Kênh	150.724		81.450		
	suối	77.110		77.110		
II	**Ngoài dân dụng**	**166.483**		**166.483**		
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27.097		27.097		
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139.386		139.386		

Điều 2. Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 26/6/2015, Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2018, Quyết định số 1176/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh.

Điều 3. Công ty Cổ phần PT HT KT Becamex Bình Phước chủ trì, phối hợp Ban Quản lý Khu kinh tế, UBND huyện Chơn Thành tổ chức công bố đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ban Quản lý khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PT HT KT Becamex Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng KKT QĐ 12).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

Tổng Công ty Đầu Tư và Phát triển Công nghiệp CTCP

Becamex IDC

THUYẾT MINH

BÁO CÁO

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2000)

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

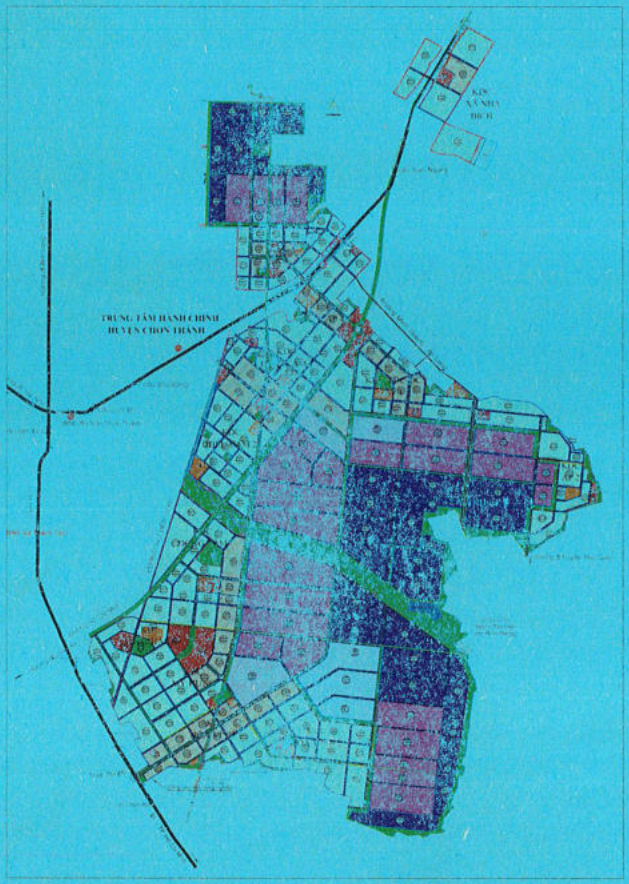

8/2020

BM-35-01-20080001

Tổng Công ty Đầu Tư và Phát triển Công nghiệp CTCP
Becamex IDC

THUYẾT MINH

BÁO CÁO

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2000)

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
PHÓ CHỦ TỊCH Huỳnh Anh Minh	PHÓ GIÁM ĐỐC Võ Tất Dũng
CHỦ ĐẦU TƯ **CÔNG TY CP PT HTKT BECAMEX BÌNH PHƯỚC** TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN THANH NHÃ	**ĐƠN VỊ TƯ VẤN** **BECAMEX IDC** PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NGUYỄN HOÀN VŨ

8/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2000) KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC.

I. Các căn cứ

- Quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 22/2019-TT-BXD ngày 31/12/2019 về việc ban hành "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng";

- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây Dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

- Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội của huyện Chơn Thành đã được Chính Phủ và UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại quyết định số 2892/QĐ-UBND ngày 31/12/2019;

- Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung khu Công nghiệp và Dân cư Becamex Bình Phước;

- Quyết định số 1695/QĐ-UBND ngày 24/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung khu Công nghiệp và Dân cư Becamex Bình Phước;

- Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu Công nghiệp Becamex Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh Quyết định số 1418/QĐ-UBND ngày 07/7/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Becamex Bình Phước;

- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chơn Thành hiện đang được triển khai.

- Bản đồ quy hoạch chung xây dựng Khu công nghiệp và dân cư Becamex – Bình Phước.

- Bản đồ quy hoạch quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Becamex Bình Phước.

II. Lý do và nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu Công nghiệp Becamex – Bình Phước.

- Về cơ bản giữ nguyên phương án thiết kế đã được phê duyệt. Thiết kế điều chỉnh tuyến kênh thoát nước cho phù hợp với địa hình tự nhiên, bổ sung thêm 1 số đoạn nhằm đảm bảo giải pháp thoát nước chung cho toàn khu vực.

- Bổ sung điều chỉnh mở rộng mặt cắt đường giao thông D9 đoạn qua dự án theo phê duyệt quy hoạch phát triển vùng đô thị Chơn Thành.

- Điều chỉnh một số nút giao từ nút giao vòng xoay sang nút giao đèn tín hiệu và các đường cong mềm.

1. Lý do điều chỉnh

a. Điều chỉnh vị trí bố trí trạm điện.

Do vị trí bố trí trạm 110kV theo quy hoạch được duyệt đặt ngay cạnh đường dây 220kV Tân định – Bình Long do đó nếu hạ trạm ngay vị trí này là không phù hợp (đường dây 110kV phải đi dưới đường dây 220kV không an toàn). Bên cạnh đó, căn cứ nhu cầu sử dụng điện của dự án (khu B) đảm bảo nguồn cấp điện khi toàn bộ

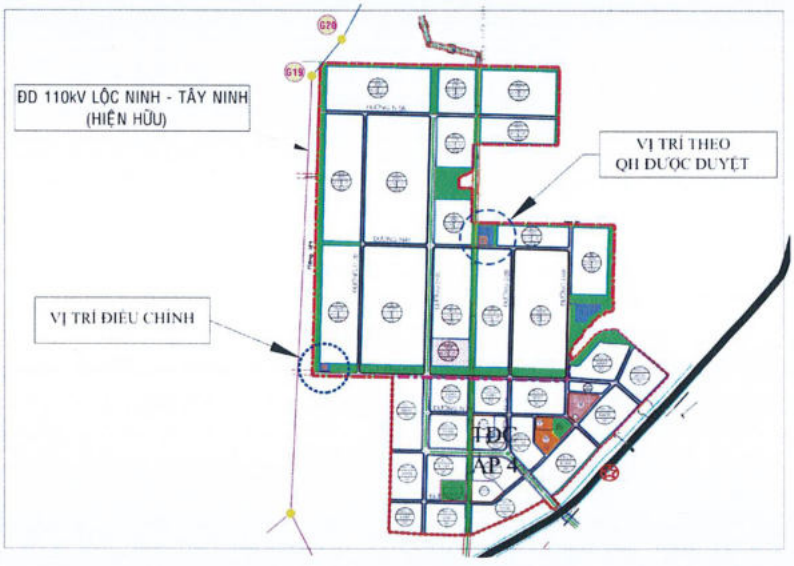

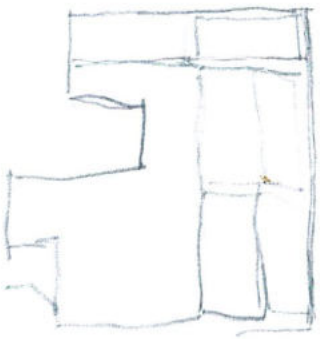

diện tích được lấp đầy, Ban Quản lý dự án Điện Lực Miền Nam, Công ty Điện Lực Bình Phước thống nhất phương án đấu nối hạ trạm tại vị trí trụ 377 (trụ đỡ) đường dây 110kV Bình Long 2 – Chơn Thành.

b. Điều chỉnh tuyến kênh thoát nước.

Khảo sát địa hình tại vị trí bố trí tuyến kênh thoát nước mặt theo quy hoạch được duyệt, có một số đoạn không phù hợp để thu nước do cao độ đi trên sườn dốc chiều sâu đào kênh là rất lớn (trên 10m). Do đó phải điều chỉnh một số đoạn cho phù hợp với địa hình tự nhiên.



c. Điều chỉnh nút giao và mở rộng lộ giới đường D9.

- Nút giao đường D1- N38 thuộc khu công nghiệp phía Nam khu A: nhằm tăng

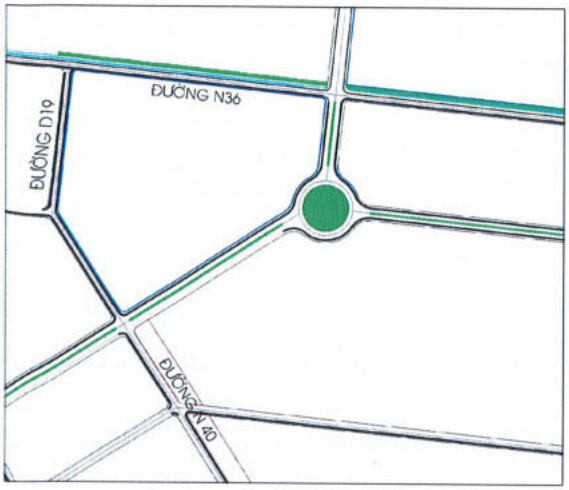

NÚT GIAO THEO QH ĐƯỢC DUYỆT
(QĐ 763/QĐ-UBND NGÀY 20/04/2015

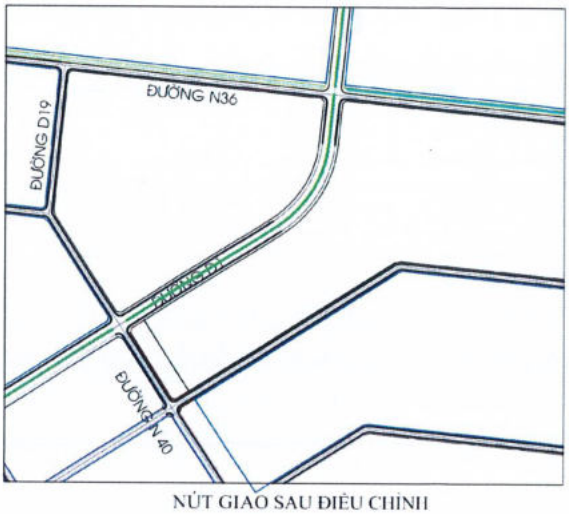

NÚT GIAO SAU ĐIỀU CHỈNH

tính hiệu quả an toàn, thời gian di chuyển cũng như giảm thiểu tình trạng kẹt xe nối dài Công ty đề xuất điều chỉnh bỏ nút giao vòng xoay thành đường cong.

- Dự án cắm cọc tim tuyến theo quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh điều chỉnh cục bộ hướng tuyến quy hoạch chi tiết đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành Tân Vạn (km3+198,94 đến Km5+242,85). Do đó điều chỉnh mở rộng lộ giới đường D9 theo Quy hoạch được duyệt từ 25m lên 80m.

2. Nội dung điều chỉnh:

a. Điều chỉnh vị trí trạm Biến áp 110kv (khu B) theo quy hoạch được duyệt nằm tiếp giáp đường N4B sang vị trí mới tiếp giáp đường N3B. Sau khi điều chỉnh, phần diện tích vị trí trạm biến áp cũ điều chỉnh thành đất cây xanh và đất nhà máy.

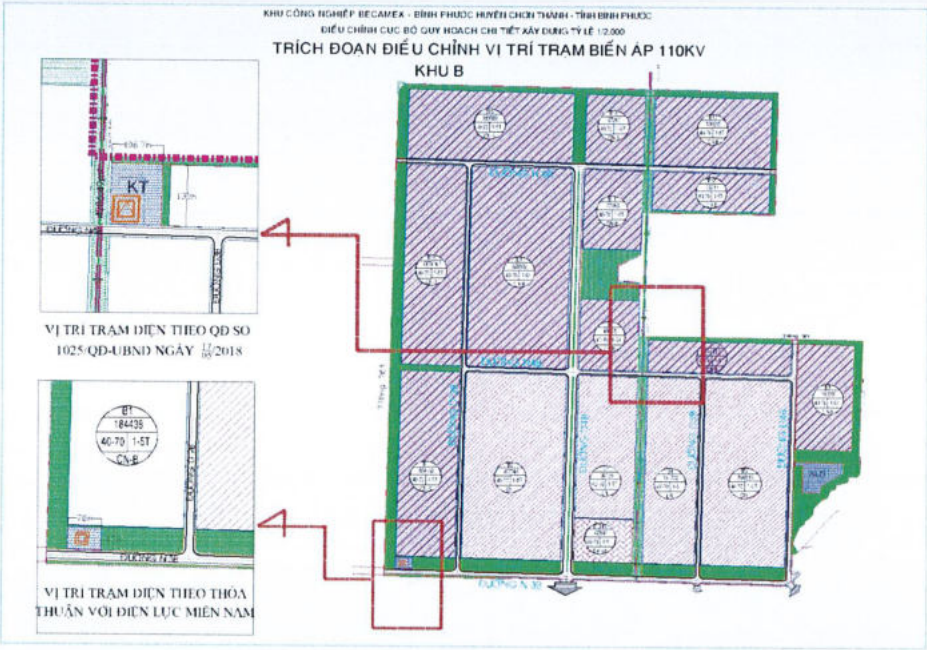

b. Điều chỉnh bỏ và bổ sung tuyến kênh thoát nước mặt.

b.1. Điều chỉnh bỏ:

- Đoạn kênh dọc theo đường N13.
- Đoạn kênh dọc theo đường D2 từ nút giao N11.D2 đến nút giao N25.D2.
- Đoạn kênh dọc theo đường N11 (đoạn cách đường D2 khoảng 240m đến nút giao N14.D10.

b.2. Điều chỉnh bổ sung:

- Đoạn kênh số 1 thoát nước dọc theo đường D1 đoạn từ đường N11 đến suối Cái.
- Đoạn kênh số 2 dọc theo đường D9 từ nút giao N14.D9 đến phần giáp ranh và đi dọc theo dải cây xanh cách ly đi theo đường D14 và dọc đường N25.

c. Điều chỉnh các nút giao và mở rộng lộ giới đường D9.

- Điều chỉnh bỏ nút giao vòng xoay D1.N38 thành đường cong.
- Điều chỉnh mở lộ giới đường D9 từ 25m lên 80m.

d. Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất:

* Bảng tổng hợp so sánh cơ cấu sử dụng đất theo quy hoạch chi tiết khu Công nghiệp Becamex – Bình Phước được duyệt tại quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 17/5/2018.

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Quyết định 1025/QĐUBND ngày 17/5/2018		Điều chỉnh cục bộ	
		DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DT ĐẤT CÔNG NGHIỆP	**24,482,732**		**24,482,732**	
I	**KHU CÔNG NGHIỆP**	**24,316,249**		**24,316,249**	
1	**Đất nhà máy, xí nghiệp**	16,925,191	69.60	**16,833,793**	**69.23**
2	**Đất kho tàng, bến bãi**	1,121,131	4.61	**1,154,135**	**4.75**
3	**Đất khu dịch vụ**	721,338	2.97	721,338	2.97
4	**Đất giao thông**	**2,450,679**	**10.08**	**2,578,112**	**10.60**
5	**Đất cây xanh**	**2,683,424**	**11.04**	**2,694,226**	**11.08**

6	**Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)**	**414,487**	**1.70**	**334,645**	1.38
	Khu xử lý nước thải	126,810		126,810	
	Trạm điện, hành lang đường điện	**59,843**		**49,275**	
	Kênh	**150,724**		**81,450**	
	suối	77,110		77,110	
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	166,483		166,483	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27,097		27,097	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139,386		139,386	

* Cơ cấu sử dụng đất khu công nghiệp phù hợp với quy chuẩn quy hoạch Việt Nam (Thông tư số 22/TT-BXD ngày 31/12/2019 Ban hành : "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về Quy hoạch xây dựng"). Các tiêu chí như sau

- Đất nhà máy, xí nghiệp : 16,833,793m^2 chiếm 69.23% (TCQP: >55%)
- Đất kho tàng , bến bãi : 1,154,135m^2 chiếm 4.75%
- Đất khu dịch vụ : 721,338m^2 chiếm 2.97% (TCQP: >1%)
- Đất giao thông quy hoạch : 2,578,112m^2 chiếm 10.60% (TCQP: >10%)
- Đất cây xanh : 2,694,226m^2 chiếm 11.08%(TCQP:>10%)
- Đất hạ tầng kỹ thuật : 334,645m^2 chiếm 1.38% (TCQP:>1%)

(bao gồm đất khu xử lý nước thải, trạm điện - hành lang đường điện 22kV, kênh và suối).

Bảng cơ cấu sử dụng đất khu công nghiệp.

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Điều chỉnh cục bộ	
		DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)
	TỔNG DT ĐẤT CÔNG NGHIỆP	**24,482,732**	
I	**KHU CÔNG NGHIỆP**	**24,316,249**	
1	**Đất nhà máy, xí nghiệp**	**16,833,793**	**69.23**
2	**Đất kho tàng, bến bãi**	**1,154,135**	**4.75**
3	**Đất khu dịch vụ**	721,338	2.97
4	**Đất giao thông**	**2,578,112**	**10.60**
5	**Đất cây xanh**	**2,694,226**	**11.08**

6	**Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)**	**334,645**	1.38
	Khu xử lý nước thải	126,810	
	Trạm điện, hành lang đường điện	**49,275**	
	Kênh	**81,450**	
	suối	77,110	
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	**166,483**	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27,097	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139,386	

e. Điều chỉnh các lô đất: các điều chỉnh trên làm thay đổi diện tích các lô đất

- Các lô đất nhà máy, xí nghiệp:

STT	TÊN LÔ ĐẤT	CHỨC NĂNG	DT (m^2)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	TẦNG CAO TỐI ĐA
1	A1	CN	240,185	40-70	5T
2	A2	CN	190,137	40-70	5T
3	A3	CN	392,326	40-70	5T
4	A4	CN	544,875	40-70	5T
5	A5	CN	487,649	40-70	5T
6	A6	CN	674,868	40-70	5T
7	A7	CN	537,130	40-70	5T
8	A8	CN	504,418	40-70	5T
9	A9	CN	261,790	40-70	5T
10	A10	CN	308,446	40-70	5T
11	A11	CN-B	308,173	40-70	5T
12	A12	CN-B	412,095	40-70	5T
12	A13	CN-B	269,371	40-70	5T
13	A14	CN-B	326,258	40-70	5T
14	A15	CN-B	326,314	40-70	5T
15	A16	CN-B	307,501	40-70	5T
16	A17	CN	310,819	40-70	5T
17	A18	CN	305,124	40-70	5T
18	A19	CN	376,809	40-70	5T
19	A20	CN	382,797	40-70	5T
20	A21	CN-B	378,173	40-70	5T
21	A22	CN-B	55,451	40-70	5T
22	A23	CN-B	329,386	40-70	5T
23	A24	CN-B	62,619	40-70	5T
24	A25	CN-B	309,856	40-70	5T
25	A26	CN-B	245,779	40-70	5T
26	A27	CN-B	341,861	40-70	5T
27	A28	CN-B	425,411	40-70	5T

STT	TÊN LÔ ĐẤT	CHỨC NĂNG	DT	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	TẦNG CAO
28	A29	CN-B	431,763	40-70	5T
29	A30	CN	410,426	40-70	5T
30	A31	CN	434,538	40-70	5T
31	A32	CN	191,835	40-70	5T
32	A33	CN	220,078	40-70	5T
33	A34	CN	428,457	40-70	5T
34	A35	CN-B	309,885	40-70	5T
35	A36	CN-B	150,116	40-70	5T
36	A37	CN-B	56,841	40-70	5T
37	A38	CN-B	278,959	40-70	5T
38	A39	CN-B	259,264	40-70	5T
39	A40	CN-B	368,156	40-70	5T
40	A41	CN-B	380,655	40-70	5T
41	A42	CN	384,697	40-70	5T
42	A43	CN	358,134	40-70	5T
43	A44	CN	98,389	40-70	5T
44	A45	CN	97,225	40-70	5T
45	B1	CN-B	184,438	40-70	5T
46	B2	CN	307,348	40-70	5T
47	B3	CN	139,735	40-70	5T
48	B4	CN	161,702	40-70	5T
49	B5	CN	256,815	40-70	5T
50	B6	CN-B	100,050	40-70	5T
51	B7	CN-B	68,790	40-70	5T
52	B8	CN-B	68,853	40-70	5T
53	B9	CN-B	329,902	40-70	5T
54	B10	CN-B	197,975	40-70	5T
55	B11	CN-B	77,160	40-70	5T
56	B12	CN-B	75,213	40-70	5T
57	B13	CN-B	134,016	40-70	5T
58	B14	CN-B	67,267	40-70	5T
59	B15	CN-B	189,501	40-70	5T

- Các ô đất kho tàng, bến bãi:

STT	TÊN LÔ ĐẤT	CHỨC NĂNG	DIỆN TÍCH	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	TẦNG CAO TỐI ĐA
			(m2)	(%)	
1	AK1	KT-NL	330,329	40-70	5T
2	AK2	KT-NL	132,254	40-70	5T
3	AK3	KT-NL	134,191	40-70	5T
4	AK4	KT-TP	111,489	40-70	5T
5	AK5	KT-NL	169,592	40-70	5T

6	AK6	KT-TP	276,281	40-70	5T

f. Hồ sơ đính kèm điều chỉnh cục bộ quy hoạch:

- Thuyết minh báo cáo điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

- Bản vẽ:

+ Bản đồ vị trí điều chỉnh cục bộ. Tỷ lệ 1/5.000;

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất. Tỷ lệ 1/2.000;

+ Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng. Tỷ lệ 1/2.000;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa. Tỷ lệ 1/2.000;

+ Bản đồ quy hoạch hệ thống thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường. Tỷ lệ 1/2.000.

- Các văn bản liên quan.

III. KẾT LUẬN

Các nội dung điều chỉnh chủ yếu tập trung vào các yếu tố hạ tầng kỹ thuật, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện địa hình và đảm bảo an toàn khi hoạt động. Điều chỉnh diện tích đất công nghiệp giảm; đất cây xanh, giao thông tăng so với quy hoạch được duyệt. Điều chỉnh không ảnh hưởng đến phân khu chức năng của từng khu, không làm thay đổi diện tích ranh của Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước.

Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước đã thực hiện theo đúng tinh thần của Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Chính Phủ về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây Dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Trên đây là Thuyết minh tóm tắt một số nội dung và lý do điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước. Công ty kính trình Sở Xây dựng xem xét tham mưu trình UBND tỉnh Bình Phước sớm phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Becamex – Bình Phước, nhằm tạo điều kiện cho Chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định.

Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước
Cơ quan: Tỉnh Bình Phước
Ngày ký: 24-07-2020 08:53:12 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1695/QĐ - UBND	*Bình Phước, ngày 24 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án dđiều chỉnh quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 Khu công nghiệp và Dân cư Becamex Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1737/TTr-SXD ngày 17/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung Khu Công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh vị trí trạm biến áp 110kv (khu B) theo quy hoạch được duyệt nằm tiếp giáp đường N4B sang vị trí mới tiếp giáp đường N3B. Sau khi điều chỉnh, phần diện tích vị trí trạm biến áp cũ điều chỉnh thành đất cây xanh và đất nhà máy.

2. Điều chỉnh bỏ, bổ sung tuyến kênh thoát nước mặt.

2.1. Điều chỉnh bỏ:

a) Đoạn kênh thoát nước dọc theo đường N12 Khu dân cư Hiếu Cảm 1 và đoạn kênh dọc theo đường N13 Khu công nghiệp.

b) Đoạn kênh dọc theo đường D2 từ nút giao N11-D2 đến nút giao N25-D2.

c) Đoạn kênh dọc theo đường N11 đoạn cách đường D2 khoảng 240m đến nút giao N14-D10.

2.2. Điều chỉnh bổ sung:

a) Đoạn kênh số 1 thoát nước mặt dọc theo đường D1 đoạn từ đường N11 đến suối Cái.

b) Đoạn kênh dọc đường D9 từ nút giao N14-D9 đến phần giáp ranh và đi dọc theo dải cây xanh cách ly xuống dọc đường D14 và dọc đường N25.

c) Đoạn kênh dọc theo ranh giáp đường dây 110kV xuống suối Cái (thuộc Khu dân cư Hiếu Cảm 1, Hiếu Cảm 2).

3. Điều chỉnh các nút giao và mở rộng lộ giới đường D9.

3.1. Điều chỉnh các nút giao vòng xoay thành nút giao ngã tư đèn tín hiệu kết hợp các đảo phân làn gồm: nút giao đường Hồ Chí Minh-D1-N1 và nút giao đường N45-D24-D18-N46.

3.2. Điều chỉnh các nút giao vòng xoay thành đường cong mềm gồm: nút giao đường D1- N38 và nút giao đường D16-N45-D23.

3.3. Điều chỉnh mở rộng lộ giới đường D9 từ 25 m lên 80 m.

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất trước và sau khi điều chỉnh

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Theo quy hoạch đã phê duyệt		Điều chỉnh cục bộ	
		DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)
A	**RANH KHU CÔNG NGHIỆP**	**24.482.732**		**24.482.732**	
I	**KHU CÔNG NGHIỆP**	**24.316.078**	**100**	**24.316.078**	
1	**Đất công nghiệp**	**16.963.647**	**69,76**	**16.858.047**	69,33
2	**Đất kho tàng, bến bãi**	**1.163.245**	**4,78**	**1.183.795**	4,87
3	**Đất khu dịch vụ**	**849.223**	**3,49**	**856.704**	3,52
4	**Đất giao thông**	**2.337.995**	**9,62**	**2.586.888**	10,64
5	**Đất cây xanh**	**2.587.423**	**10,64**	**2.632.274**	10,83
6	**Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối)**	**414.545**	**1,71**	**335.314**	1,38
	Khu xử lý nước thải	126.810		126.810	
	Trạm điện, hành lang đường điện	59.902		49.275	
	Kênh	150.724		81.450	
	suối	77.109		77.779	
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	**166.654**		**166.654**	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27.097		27.097	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139.557		139.557	
B	**RANH KHU DÂN CƯ**	**21.850.078**		**21.850.078**	

I	**KHU DÂN CƯ**	**21.277.677**	**100,00**	**21.277.677**	100,00
1	**Đất khu ở**	**12.276.508**	**57,70**	**12.129.917**	57,01
2	**Đất khu ở hỗn hợp**	**3.428.567**	**16,11**	**3.449.977**	16,21
3	**Đất giao thông tính đến đường khu vực**	**2.796.693**	**13,14**	**2.849.452**	13,39
4	**Đất dịch vụ đô thị**	**476.807**	**2,24**	**478.038**	2,25
5	**Đất thương mại dịch vụ**	**924.355**	**4,35**	**979.005**	4,60
6	**Đất cây xanh**	**1.270.435**	**5,97**	**1.283.701**	6,03
7	**Đất hạ tầng kỹ thuật (Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)**	**104.312**	**0,49**	**107.588**	0,51
	Kênh	64.301		69.268	
	suối	24.568		24.798	
	Trạm điện	15.443		13.522	
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	**572.401**		**572.401**	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường Hồ Chí Minh)	426.363		426.363	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	146.038		146.038	
TỔNG CỘNG		**46.332.810**		**46.332.810**	

Điều 2: Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 của UBND tỉnh.

Điều 3. Giao Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước.

1. Chủ trì, phối hợp Ban quản lý Khu kinh tế, UBND huyện Chơn Thành tổ chức công bố đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung Khu công nghiệp và Dân cư Becamex - Bình Phước để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan biết, thực hiện.

2. Rà soát, tổ chức thực hiện điều chỉnh các đồ án quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết (nếu có) cho phù hợp với các nội dung điều chỉnh nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ngành: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- LĐVP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT (Đ.Thắng KKT QĐ 10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1025/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 17 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Becamex Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án điều chỉnh và quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Becamex Bình Phước, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 916/TTr-SXD ngày 10/5/2018 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Becamex Bình Phước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Becamex Bình Phước với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh bố trí lại 02 tuyến đường N4B và D4B, cụ thể:

- Đối với đường N4B: Bỏ đoạn từ đường D2B đến ranh phía Đông để chuyển sang đất nhà máy, xí nghiệp.

- Đối với đường D4B: bổ sung đoạn đường D4B từ đường N4B đến ranh phía Bắc của khu công nghiệp.

2. Điều chỉnh diện tích đất nhà máy, xí nghiệp, cụ thể:

- Lô B6 từ 64.376m^2 tăng lên 100.050m^2.

- Lô B7 từ 93.437m^2 giảm xuống còn 58.213m^2.

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất Khu công nghiệp Becamex Bình Phước trước và sau khi điều chỉnh

STT	LOẠI ĐẤT	ĐÃ PHÊ DUYỆT		SAU KHI ĐIỀU CHỈNH		TỶ LỆ % THEO QUY ĐỊNH
		DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ %	DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ %	
I	**Đất khu công nghiệp**	**24.316.249**	**100,00**	**24.316.249**	**100,00**	
1	Đất nhà máy, xí nghiệp	16.925.191	69,60	16.925.191	74,21	≥ 55
2	Đất kho tàng, bến bãi	1.121.131	4,61	1.121.131		
3	Đất khu hành chính, dịch vụ DV O KCN	721.338	2,97	721.338	2,97	≥ 1
4	Đất giao thông	2.461.514	10,12	2.450.679	10,08	≥ 8
5	Đất cây xanh	2.672.589	10,99	2.683.424	11,04	≥ 10
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	414.487	1,70	414.487	1,70	≥ 1
	Khu xử lý nước thải	126.810		126.810		
	Trạm điện	59.843		59.843		
	Kênh	150.724		150.724		
	Suối	77.110		77.110		
II	**Ngoài dân dụng**	**166.483**		**166.483**		
1	Đất hành lang đường điện	139.386		139.386		
2	Đất đường Hồ Chí Minh	27.097		27.097		
III	**Tổng diện tích (I+II)**	**24.482.732**		**24.482.732**		

(Bản đồ điều chỉnh kèm theo)

Điều 2. Các nội dung không điều chỉnh thực hiện theo Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 26/6/2015 của UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú; Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Becamex Bình Phước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như điều 3;
- LĐVP, Phòng KT;
- Lưu: VT (Đ.Thắng KKT QĐ 07).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trăm

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN VÀ VSMT

KHU B

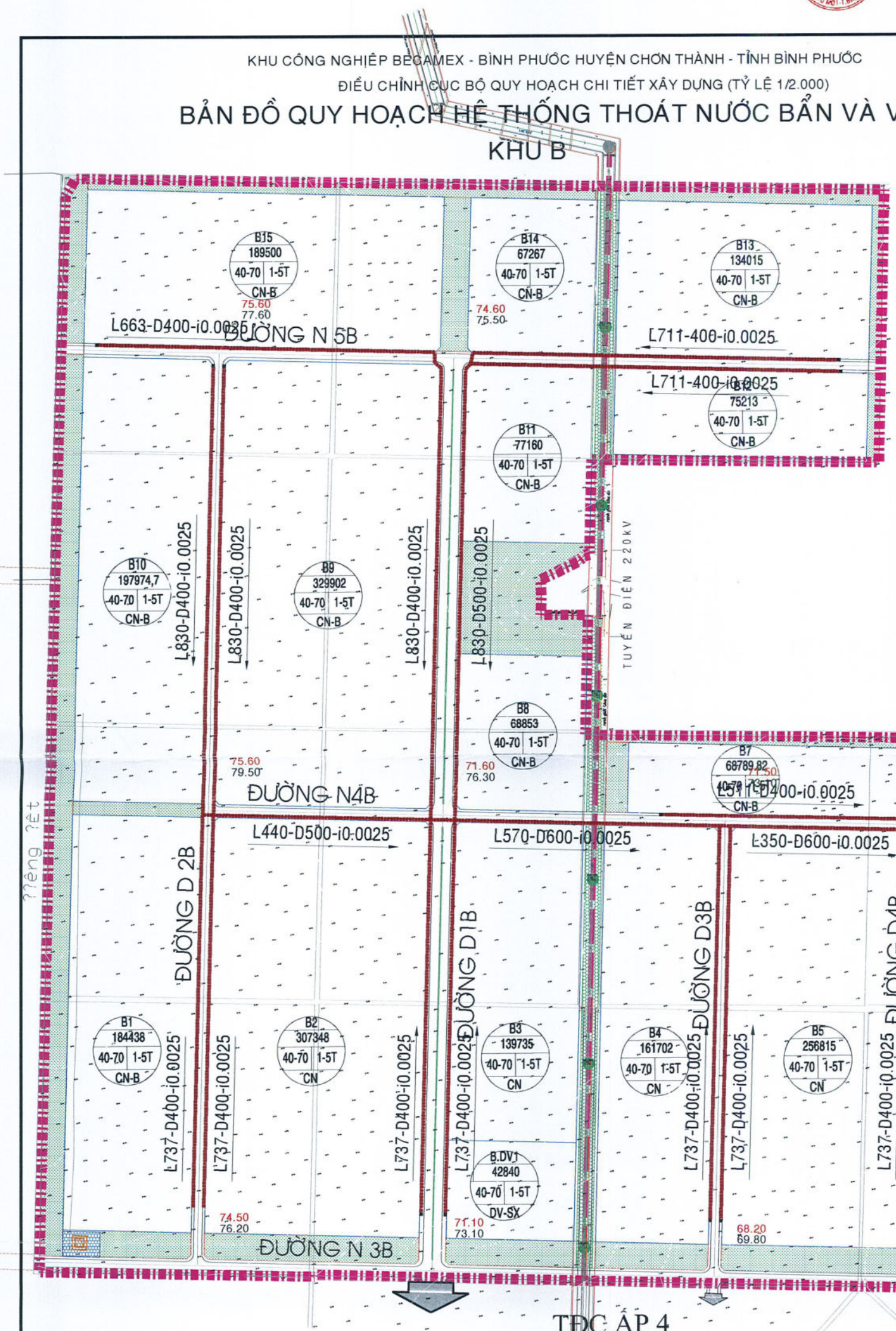

N

100m 200m
50m 150m 250m
TỶ LỆ XÍCH

CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI THEO QH CHUNG

CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

L225-D400-i0.0025 CHIỀU DÀI (m), ĐƯỜNG KÍNH(mm), ĐỘ DỐC

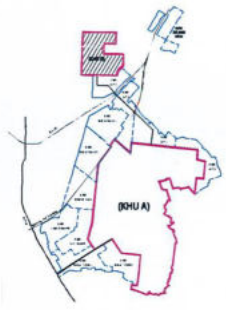

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000	
KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN VÀ VSMT (KHU B)	
BẢN VẼ : 05 / GHÉP : / TỶ LỆ: 1/2000 / NGÀY HT: /2020	
THIẾT KẾ	KS. LÊ TẤN KHANH
CHỦ TRÌ	KS. LÊ TẤN KHANH
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP BECAMEX IDC	

BM-35-01-20080001

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG

KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG

B

0m 400m 800m
200m 600m 1000m

TỶ LỆ XÍCH

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH (M²)	TỶ LỆ (%)	TỶ LỆ % SO VỚI ĐT QUY HOẠCH
A	RANH KHU CÔNG NGHIỆP	24.482.732		52,84
I	KHU CÔNG NGHIỆP	24.316.078	100	
1	Đất công nghiệp	16.963.647	69,76	
2	Đất kho tàng, bến bãi	1.163.245	4,78	
3	Đất khu dịch vụ	849.223	3,49	
4	Đất giao thông	2.337.995	9,62	
5	Đất cây xanh	2.587.423	10,64	
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)	414.545	1,71	
II	NGOÀI DÂN DỤNG	166.654		
1	Đất giao thông đối ngoại (đường Hồ Chí Minh)	27.097		
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139.557		
B	RANH KHU DÂN CƯ	21.850.078		47,16
I	KHU DÂN CƯ	21.277.677	100,00	
1	Đất khu ở	12.276.508	57,70	
2	Đất khu ở hỗn hợp	3.428.567	16,11	
3	Đất giao thông tính đến đường khu vực	2.796.693	13,14	
4	Đất dịch vụ đô thị	476.807	2,24	
5	Đất thương mại dịch vụ	924.355	4,35	
6	Đất cây xanh	1.270.435	5,97	
7	Đất hạ tầng kỹ thuật (Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)	104.312	0,49	
II	NGOÀI DÂN DỤNG	572.401		
1	Đất giao thông đối ngoại (đường Hồ Chí Minh)	426.363		
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	146.038		
	TỔNG RANH QUY HOẠCH	46.332.810		100,00

Hướng đi Bình Long - Lộc Ninh

Hướng đi Tây Ninh

Hướng đi Lon An

Hướng đi huyện Phú Giáo

Đường Hồ Chí Minh

Đường Minh Thành - An Long

Đường dây điện 110kV

Đường dây điện 220kV

Quốc Lộ 13

Suối Cái

cầu Suối Ngang

cầu Bầu Bàng

cầu Suối Đôi

cầu Bến Đình

cầu Tham Rớt

Trạm thu phí

Cổng vào khu công nghiệp

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH HUYỆN CHƠN THÀNH

UBND Thị Trấn Chơn Thành

UBND Xã Thành Tâm

TRƯỜNG HỌC

NM HẠT ĐIỀU

CÂU BÀNG

NM BỘT MÌ THÀNH CÔNG

NHÀ MÁY CAO SU VIỆT NAM

KDC XÃ NHA BÍCH

XÃ NHA BÍCH

KDC ẤP 4

KDC HIẾU CẢM 1

KDC HIẾU CẢM 2

KDC ĐỒNG TÂM

KDC THỊ CHÁNH

KDC MỸ HƯNG

KDC HÒA VINH 1

KDC HÒA VINH 2

KDC ẤP 1

KDC ẤP 2

xã An Long
huyện Phú Giáo
tỉnh Bình Dương

xã Trừ Văn Thố
huyện Bàu Bàng
tỉnh Bình Dương

Chú thích:

- TRƯỜNG DẠY NGHỀ
- TRƯỜNG CẤP III
- TRƯỜNG CẤP I VÀ TRƯỜNG CẤP II
- BỆNH VIỆN ĐA KHOA
- SÂN VẬN ĐỘNG
- BÁN KÍNH PHỤC VỤ KHU Ở

KÝ HIỆU

- ĐẤT TRUNG TÂM DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI
- ĐẤT DỊCH VỤ ĐÔ THỊ, GIÁO DỤC
- ĐẤT DỊCH VỤ ĐÔ THỊ, BỆNH VIỆN
- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT KHU NHÀ Ở
- ĐẤT KHU PHÁT TRIỂN HỖN HỢP
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH ĐÔ THỊ
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY & HLBV ĐIỆN
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP ÍT Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ 220/110KV VÀ 110/22KV
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- TRẠM CẤP NƯỚC
- HỒ ĐIỀU HÒA
- RANH KHU QUY HOẠCH

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / APPROVAL AUTHORITY

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / TECHNICAL INSPECTOR

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TRÌNH: ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG

KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX- BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN KHU CHỨC NĂNG

BẢN VẼ:	GHÉP	TỶ LỆ: 1/5000	NGÀY HT: 2015
THỂ HIỆN	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
THIẾT KẾ	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
CHỦ TRÌ	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH		

TỔNG GIÁM ĐỐC: ĐỖ VĂN CHIẾN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BECAMEX IDC CORP

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

KHU A

TỶ LỆ XÍCH 1/2000

N

KDC HIẾU CẢM 2

KDC ẤP 1

KDC ẤP 2

KDC HÒA VINH 2

xã An Long
huyện Phú Giáo
tỉnh Bình Dương

ĐƯỜNG N11 · ĐƯỜNG N13 · ĐƯỜNG NB10 · ĐƯỜNG NB9 · ĐƯỜNG N2 · ĐƯỜNG N14 · ĐƯỜNG N15 · ĐƯỜNG N16 · ĐƯỜNG N18 · ĐƯỜNG N20 · ĐƯỜNG N21 · ĐƯỜNG N23 · ĐƯỜNG N24 · ĐƯỜNG N25 · ĐƯỜNG N26 · ĐƯỜNG N28 · ĐƯỜNG N30 · ĐƯỜNG N3 · ĐƯỜNG N34 · ĐƯỜNG N36 · ĐƯỜNG N37 · ĐƯỜNG N38 · ĐƯỜNG N39 · ĐƯỜNG N 40 · ĐƯỜNG N42 · ĐƯỜNG N43 · ĐƯỜNG N44

ĐƯỜNG D 1 · ĐƯỜNG D 2 · ĐƯỜNG D 9 · ĐƯỜNG D10 · ĐƯỜNG D11 · ĐƯỜNG D14 · ĐƯỜNG D 18 · ĐƯỜNG D19 · ĐƯỜNG D20 · ĐƯỜNG D21

ĐƯỜNG NB1 · ĐƯỜNG NB2 · ĐƯỜNG NB3 · ĐƯỜNG NB4 · ĐƯỜNG NB5 · ĐƯỜNG NB6 · ĐƯỜNG NB7 · ĐƯỜNG NB8

T3 - 110/22KV 2x80MVA

T4 - 110/22KV 2x80MVA

TDP - 110/22KV 2x80MVA

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

91219.78m² · 244925.56m² · 68225.86m² · 307505.69m² · 276338.21m² · 196740.33m² · 127104.63m² · 98488.40m² · 66654.98m² · 41739.64m² · 44533.79m² · 15742.56m² · 33705.3m² · 19931.86m² · 17279.86m² · 17494.4m² · 21233.43m² · 141681.03m² · 202160.6m² · 138667.59m² · 1940m² · 2131.5m² · 1240.1m² · 1406.8m² · 1908.8m² · 1080

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHI TIẾT MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

KHU B



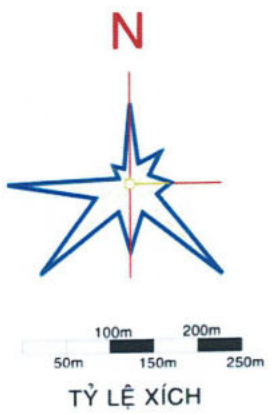

BẢNG CƠ CẤU TRƯỚC VÀ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Theo Quyết định 1326/QĐ-UBND		Sau điều chỉnh		Tỷ lệ đất theo Quy định BXD
		Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	(%)
I	**KHU CÔNG NGHIỆP**	**24.316.249**	100,00	**24.316.249**		
1	Đất nhà máy, xí nghiệp	16.925.191	69,60	16.925.191	69,60	≥ 55
2	Đất kho tàng, bến bãi	1.121.131	4,61	1.121.131	4,61	
3	Đất khu hành chính, dịch vụ	721.338	2,97	721.338	2,97	≥ 1
4	Đất giao thông	2.461.514	10,12	2.450.679	10,08	≥ 8
5	Đất cây xanh	2.672.589	10,99	2.683.424	11,04	≥ 10
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối...)	414.486	1,70	414.486	1,70	≥ 1
	Khu xử lý nước thải	126.810		126.810		
	Trạm điện	59.843		59.843		
	Kênh	150.724		150.724		
	Suối	77.110		77.110		
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	**166.483**		**166.483**		
1	Đất hành lang đường điện (220kV)	139.386		139.386		
2	Đất giao thông Hồ Chí Minh	27.097		27.097		
I + II	**TỔNG DIỆN TÍCH QUY HOẠCH**	**24.482.732**		**24.482.732**		

KÝ HIỆU

- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- HÀNH LANG BẢO VỆ ĐƯỜNG ĐIỆN
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP ÍT Ô NHIỄM
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ
- RANH KHU QUY HOẠCH

DIỆN TÍCH (M2) — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT

MẬT ĐỘ XÂY DỰNG(%) — TẦNG CAO

CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

TĐC ẤP 4

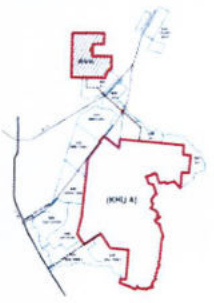

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT : AUTHORITY

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM ...

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH : TECHNICAL INSPECTOR

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM ...

CƠ QUAN THỎA THUẬN : AGREEMENT INSPECTOR

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM ...

CHỦ ĐẦU TƯ : INVESTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

BECAMEX IDC

NGUYỄN THANH NHÃ

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ... NGÀY ... THÁNG ... NĂM 2018

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ : DESIGN DEPT

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP

BECAMEX IDC

CÔNG TRÌNH: ĐỊA ĐIỂM : ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/2000

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT (KHU B)

BẢN VẼ : 01	GIẤY :	TỶ LỆ : 1/2000	NGÀY HT : 2018
THỂ HIỆN	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
THIẾT KẾ	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
CHỦ TRÌ	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH		

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16 +07:00

KHU CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN CƯ BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

BẢN ĐỒ VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ

Hướng đi Bình Long - Lộc Ninh

Hướng đi Tây Ninh

Hướng đi Long An

Đường Hồ Chí Minh

Đi - TP Hồ Chí Minh

Quốc Lộ 13

Đường Minh Thành - An Long

Đường Bàu Bàng Xuyên Mộc

Hướng đi huyện Phú Giáo

B

0m 400m 800m
200m 600m 1000m

TỶ LỆ XÍCH

KDC XÃ NHA BÍCH

XÃ NHA BÍCH

VỊ TRÍ TRẠM ĐIỆN 110kV THEO QH ĐƯỢC DUYỆT

VỊ TRÍ TRẠM ĐIỆN ĐIỀU CHỈNH THEO BBLV

cầu Suối Ngang

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH HUYỆN CHƠN THÀNH

cầu Bầu Bàng

cầu Suối Đôi

UBND Thị Trấn Chơn Thành

cầu Bến Đình

TUYẾN KÊNH ĐIỀU CHỈNH

UBND Xã Thành Tâm

ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN 110KV

ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN 220KV

KDC ÁP 4

KDC ÁP 1

KDC ÁP 2

KDC ĐỒNG TÂM

KDC THỚI HÒA

KDC MỸ HƯNG

KDC HÒA VINH 1

KDC HÒA VINH 2

TUYẾN KÊNH THEO QH ĐƯỢC DUYỆT

MỞ RỘNG ĐƯỜNG D9

TUYẾN KÊNH BỔ SUNG

VỊ TRÍ NÚT GIAO ĐIỀU CHỈNH

xã An Long
huyện Phú Giáo
tỉnh Bình Dương

xã Trừ Văn Thố
huyện Bàu Bàng
tỉnh Bình Dương

Trạm thu phí

Cầu Tham Rớt

NM HẠT ĐIỀU

NM BỘT MÌ THANH CÔNG

NHÀ MÁY CAO SU VIỆT NAM

Chú thích:

- TRƯỜNG DẠY NGHỀ
- TRƯỜNG CẤP III
- TRƯỜNG CẤP I VÀ TRƯỜNG CẤP II
- BỆNH VIỆN ĐA KHOA
- SÂN VẬN ĐỘNG
- BÁN KÍNH PHỤC VỤ KHU Ở

RANH KHU CÔNG NGHIỆP

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / BINH TỈNH BÌNH PHƯỚC

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
BẢN ĐỒ VỊ TRÍ ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ CHI TIẾT

BẢN VẼ : 01	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/5000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ TẤN VINH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN HỮU PHI		
GIÁM ĐỐC	KTS. VÕ THANH TUYỀN		

BECAMEX — TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
BECAMEX IDC

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

KHU A

N

TỶ LỆ XÍCH 1000 500 1500



KÝ HIỆU

- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH ĐÔ THỊ
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY & HLBV ĐIỆN
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP ÍT Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ 220/110KV VÀ110/22KV
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- TRẠM CẤP NƯỚC
- HỒ ĐIỀU HÒA
- RANH KHU QUY HOẠCH

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Quyết định 1025/QĐUBND ngày 17/5/2018		Điều chỉnh cục bộ	
		DIỆN TÍCH (M²)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M²)	TỶ LỆ (%)
A	**TỔNG DT ĐẤT CÔNG NGHIỆP**	**24,482,732**		**24,482,732**	
I	**KHU CÔNG NGHIỆP**	**24,316,249**		**24,316,249**	
1	Đất nhà máy, xí nghiệp	16,925,191	69.60	**16,833,793**	**69.23**
2	Đất kho tàng, bến bãi	1,121,131	4.61	**1,154,135**	**4.75**
3	Đất khu dịch vụ	721,338	2.97	721,338	2.97
4	Đất giao thông	2,450,679	10.08	**2,578,112**	**10.60**
5	Đất cây xanh	2,683,424	11.04	**2,694,226**	**11.08**
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)	414,487	1.70	334,645	1.38
	Khu xử lý nước thải	126,810		126,810	
	Trạm điện, hành lang đường điện	59,843		49,275	
	Kênh	150,724		81,450	
	suối	77,110		77,110	
II	**NGOÀI DÂN DỤNG**	166,483		166,483	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27,097		27,097	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139,386		139,386	

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM .....

CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000
KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT (KHU A)

BẢN VẼ : 02	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ TẤN VINH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN HỮU PHI		
QĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT KHU B

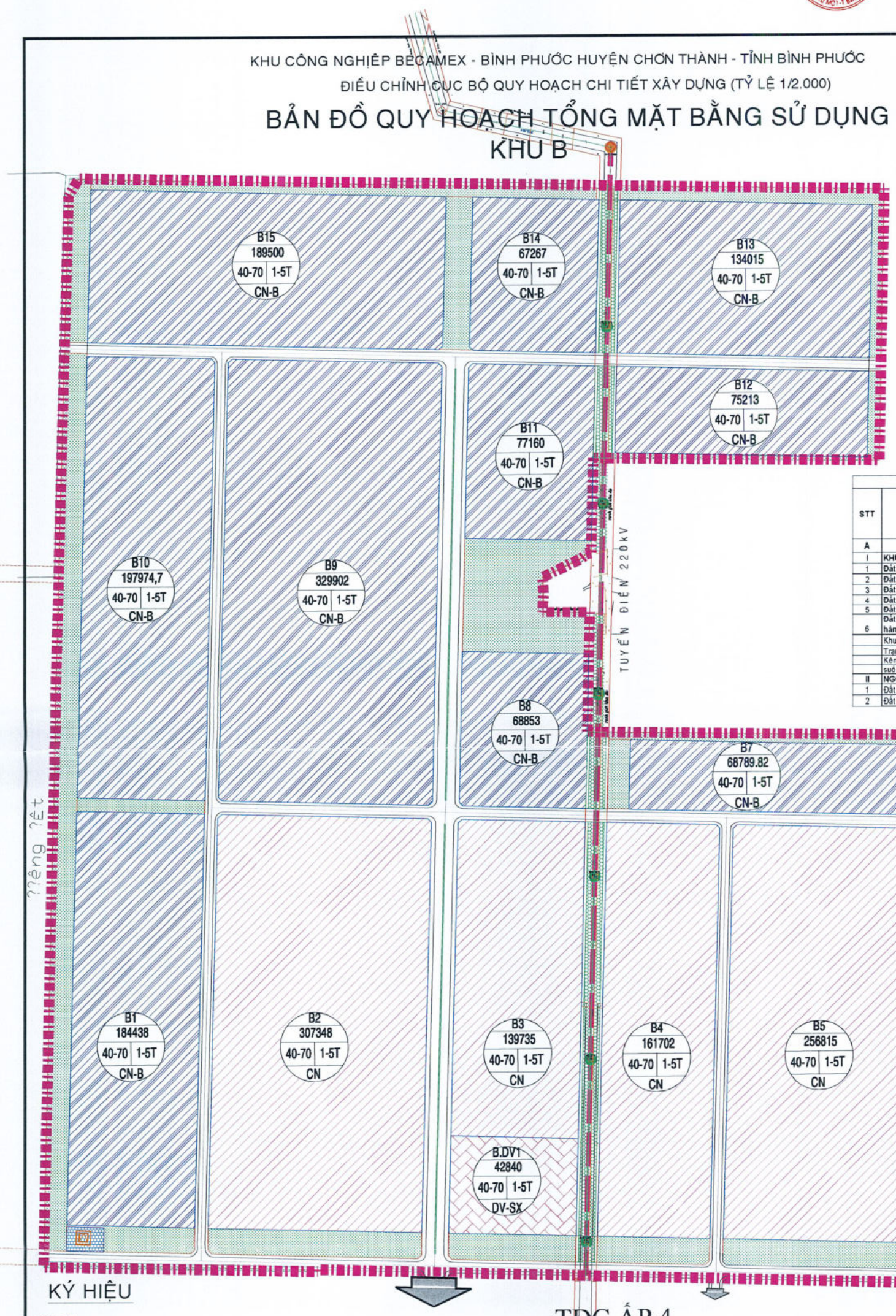

N

100m 200m
50m 150m 250m

TỶ LỆ XÍCH

BẢNG TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	ĐẤT SỬ DỤNG	Quyết định 1025/QĐUBND ngày 17/5/2018		Điều chỉnh cục bộ	
		DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (M^2)	TỶ LỆ (%)
A	TỔNG DT ĐẤT CÔNG NGHIỆP	24,482,732		24,482,732	
I	KHU CÔNG NGHIỆP	24,316,249		24,316,249	
1	Đất nhà máy, xí nghiệp	16,925,191	69.60	16,833,793	69.23
2	Đất kho tàng, bến bãi	1,121,131	4.61	1,154,135	4.75
3	Đất khu dịch vụ	721,338	2.97	721,338	2.97
4	Đất giao thông	2,450,679	10.08	2,578,112	10.60
5	Đất cây xanh	2,683,424	11.04	2,694,226	11.08
6	Đất hạ tầng kỹ thuật (XLNT, Trạm điện, hành lang đường điện, kênh, suối..)	414,487	1.70	334,645	1.38
	Khu xử lý nước thải	126,810		126,810	
	Trạm điện, hành lang đường điện	59,843		49,275	
	Kênh	150,724		81,450	
	suối	77,110		77,110	
II	NGOÀI DÂN DỤNG	166,483		166,483	
1	Đất giao thông đối ngoại (đường HCM)	27,097		27,097	
2	Đất hành lang đường điện (110kV, 220kV)	139,386		139,386	

KÝ HIỆU

- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- HÀNH LANG BẢO VỆ ĐƯỜNG ĐIỆN
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP ÍT Ô NHIỄM
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ
- RANH KHU QUY HOẠCH

TĐC ẤP 4

DIỆN TÍCH (M2) — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG(%) — TẦNG CAO
CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

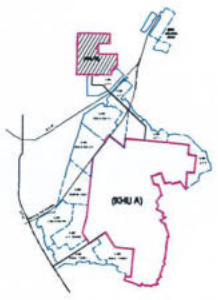

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....

CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....

CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....

CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2.000

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC

HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT (KHU B)

BẢN VẼ : 02	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THÁI THỊNH		
CHỦ TRÌ	KTS. LÊ TẤN VINH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN HỮU PHI		
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC
ĐỊA CHỈ: SỐ 9-ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG; ĐIỆN THOẠI: 0274.3822868; FAX: 0274.3822718

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16 +07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ CGĐĐ - CGXD

KHU A

TỶ LỆ XÍCH 1000 500 1500



KÝ HIỆU

- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- HÀNH LANG BẢO VỆ ĐƯỜNG ĐIỆN
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP SẠCH
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ
- RANH KHU QUY HOẠCH
- KÊNH TẠO LỰC

5 — KÝ HIỆU MẶT CẮT NGANG

5 R15.0 — BÁN KÍNH BÓ VỈA (R=15M)

60.70 / 61.00 — CỐT CAO ĐỘ THIẾT KẾ / CỐT CAO ĐỘ TỰ NHIÊN

TỔNG HỢP GIAO THÔNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC; HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ CGĐĐ - CGXD (KHU A)	
BẢN VẼ : 03	GHÉP : / TỶ LỆ: 1/2000 / NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG ĐỨC TRIỂN
CHỦ TRÌ	KS. DƯƠNG ĐỨC TRIỂN
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CT CP BECAMEX IDC	

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ CGĐĐ - CGXD KHU B

N

TỔNG HỢP GIAO THÔNG

100m 200m
50m 150m 250m
TỶ LỆ XÍCH

B15 189500 40-70 1-5T CN-B
B14 67267 40-70 1-5T CN-B
B13 134015 40-70 1-5T CN-B
B12 75213 40-70 1-5T CN-B
B11 77160 40-70 1-5T CN-B
B10 197974,7 40-70 1-5T CN-B
B9 329902 40-70 1-5T CN-B
B8 68853 40-70 1-5T CN-B
B7 68789,82 40-70 1-5T CN-B
B6 100050 40-70 1-5T CN-B
B1 184438 40-70 1-5T CN-B
B2 307348 40-70 1-5T CN
B3 139735 40-70 1-5T CN
B4 161702 40-70 1-5T CN
B5 256815 40-70 1-5T CN
B.DV1 42840 40-70 1-5T DV-SX

ĐƯỜNG N 5B
ĐƯỜNG N4B
ĐƯỜNG N 3B
ĐƯỜNG D 2B
ĐƯỜNG D1B
ĐƯỜNG D3B
ĐƯỜNG D4B
TUYẾN ĐIỆN 220kV
XLNT
TDC ẤP 4
R15.00
R10.00
75.60 77.60
74.60 75.50
71.60 73.80
71.10 73.10
74.50 76.20
68.30 72.50
68.20 69.80

MẶT CẮT 3-3
5M 15M 5M
25M

MẶT CẮT 1-1
8M 16M 2M 16M 8M
50M

DIỆN TÍCH (M2)
KÍ HIỆU LÔ ĐẤT
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG(%)
CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT
R5.25 BÁN KÍNH BÓ VỈA (R=15M)
5 5 KÝ HIỆU MẶT CẮT NGANG

(KHU A)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC	KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC	KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR	KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ .....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....
CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/1.000)	KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	BẢN ĐỒ QUY HOẠCH GIAO THÔNG VÀ CGĐĐ - CGXD (KHU B)

BẢN VẼ : 03	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KS. DƯƠNG ĐỨC TRIỂN		
CHỦ TRÌ	KS. DƯƠNG ĐỨC TRIỂN		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH		
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC
ĐỊA CHỈ: SỐ 6 ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG; ĐIỆN THOẠI: 0274.3822868; FAX: 0274.3822718

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA KHU A

TỶ LỆ XÍCH 1/2000

Hướng đi

xã An Long
huyện Phú Giáo
tỉnh Bình Dương

THOÁT NƯỚC MƯA

D600 - L 147 / i = 0.002 — ĐƯỜNG KÍNH-CHIỀU DÀI / ĐỘ DỐC

KÊNH TẠO LỰC

KHU VỰC ĐÀO

KHU VỰC ĐẮP

KHU VỰC SAN LẤP CỤC BỘ

60.70 / 61.00

MẶT CẮT NGANG MƯƠNG HỞ 3M

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH MƯƠNG HỞ 6M

MẶT CẮT NGANG MƯƠNG HỞ 10M

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC	KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ....NGÀY ....THÁNG....NĂM....
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC	KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ....NGÀY ....THÁNG....NĂM....
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR	KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ....NGÀY ....THÁNG....NĂM....
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ....NGÀY....THÁNG....NĂM....
CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:	KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:	BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA (KHU A)

BẢN VẼ : 04	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KS. LÊ TẤN KHANH		
CHỦ TRÌ	KS. LÊ TẤN KHANH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH		
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16 +07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA KHU B

N

100m 200m
50m 150m 250m
TỶ LỆ XÍCH

B15 189500 40-70 1-5T CN-B
B14 67267 40-70 1-5T CN-B
B13 134015 40-70 1-5T CN-B
B12 75213 40-70 1-5T CN-B
B11 77160 40-70 1-5T CN-B
B10 197974,7 40-70 1-5T CN-B
B9 329902 40-70 1-5T CN-B
B8 68853 40-70 1-5T CN-B
B7 68789,82 40-70 1-5T CN-B
B6 100050 40-70 1-5T CN-B
B1 184438 40-70 1-5T CN-B
B2 307348 40-70 1-5T CN
B3 139735 40-70 1-5T CN
B4 161702 40-70 1-5T CN
B5 256815 40-70 1-5T CN
B.DV1 42840 40-70 1-5T DV-SX

ĐƯỜNG N 5B
ĐƯỜNG N4B
ĐƯỜNG N 3B
ĐƯỜNG D 2B
ĐƯỜNG D1B
ĐƯỜNG D3B
ĐƯỜNG D4B
TUYẾN ĐIỆN 220kV
XLNT
TĐC ẤP 4

75.60 77.60
74.60 75.50
75.60 79.50
71.60 76.30
71.50 73.50
68.30 72.50
74.50 76.20
71.10 73.10
68.20 69.80

D1000 - L 680 i = 0.002
D800 - L 260 i = 0.002
D1000 - L 400 i = 0.002
D1000 - L 735 i = 0.002
D1000 - L 725 i = 0.002
D1000 - L 400 i = 0.002
D1200 - L 410 i = 0.002
D1000 - L 390 i = 0.002
D1000 - L 390 i = 0.002
D1500 - L 210 i = 0.002
D1000 - L 380 i = 0.002
D1000 - L 380 i = 0.002
D1200 - L 380 i = 0.002
D1000 - L 382 i = 0.002
D1000 - L 500 i = 0.002
D800 - L 220 i = 0.002
D800 - L 390 i = 0.002
D800 - L 475 i = 0.002
D800 - L 325 i = 0.002
D1200 - L 685 i = 0.002
D1000 - L 810 i = 0.002
D1000 - L 810 i = 0.002
D1000 - L 810 i = 0.002
D1000 - L 810 i = 0.002
D1000 - L 810 i = 0.002
D1000 - L 670 i = 0.002
D1500 - L 170 i = 0.002
D1000 - L 270 i = 0.002
D1200 - L 940 i = 0.002
D1580 - L 370 i = 0.002
D1500 - L370 i = 0.002

KÝ HIỆU

- ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ KHU CN
- ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- HÀNH LANG BẢO VỆ ĐƯỜNG ĐIỆN
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP ÍT Ô NHIỄM
- ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP CÓ Ô NHIỄM
- ĐẤT KHO TÀNG BẾN BÃI
- ĐẤT KHU KỸ THUẬT
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- ĐƯỜNG ĐIỆN CAO THẾ
- TRẠM BIẾN ÁP CAO THẾ
- RANH KHU QUY HOẠCH

DIỆN TÍCH (M2) — KÍ HIỆU LÔ ĐẤT
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG(%) — TẦNG CAO
CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

THOÁT NƯỚC MƯA
D600 - L 147 / i = 0.002 — ĐƯỜNG KÍNH-CHIỀU DÀI / ĐỘ DỐC

(KHU A)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ .....NGÀY .....THÁNG.....NĂM.....
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ.....NGÀY.....THÁNG.....NĂM.....
CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)
KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA (KHU B)

BẢN VẼ : 04	GHÉP :	TỶ LỆ: 1/2000	NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KS. LÊ TẤN KHANH		
CHỦ TRÌ	KS. LÊ TẤN KHANH		
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH		
GĐ TT CH	KTS. VÕ THANH TUYỀN		
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC		

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT
TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP
BECAMEX IDC
ĐỊA CHỈ: SỐ 9 ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG, HÒA PHÚ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG, ĐIỆN THOẠI: 0274.3822168, FAX: 0274 3822713

BM-35-01-20080001

Ký bởi: TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP - CTCP
Email: info@becamex.com.vn
Ngày ký: 10.08.2020 00:55:16+07:00

KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG (TỶ LỆ 1/2.000)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN VÀ VSMT

KHU A

TỶ LỆ XÍCH 1/2000

1500 1500

Hướng đi

xã An Long
huyện Phú Giáo
tỉnh Bình Dương

THOÁT NƯỚC MƯA

ĐƯỜNG KÍNH-CHIỀU DÀI
ĐỘ DỐC

KÊNH TẠO LỰC
KHU VỰC ĐÀO
KHU VỰC ĐẮP
KHU VỰC SAN LẤP CỤC BỘ

60.70 CỐT CAO ĐỘ THIẾT KẾ
61.00 CỐT CAO ĐỘ TỰ NHIÊN

TDP - 110/22KV 2x80MVA

TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

KÝ HIỆU

- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI THEO QH CHUNG
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI
- TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI
- CỐT MẶT ĐẤT THIẾT KẾ
- CỐT ĐÁY CỐNG

L225-D400-i0.0025 CHIỀU DÀI (m), ĐƯỜNG KÍNH(mm), ĐỘ DỐC

TRẠM BƠM CHUYỂN BẬC

CHÚ THÍCH :

1- LƯU LƯỢNG NƯỚC THẢI KHU CÔNG NGHIỆP (A +B) Q = 68.000m³/ngđ.
TIÊU CHUẨN NƯỚC THẢI TÍNH = 70-80% TIÊU CHUẨN CẤP NƯỚC

2- THIẾT KẾ CỐNG NƯỚC THẢI RIÊNG, ĐƯA TẤT CẢ CÁC LOẠI NƯỚC THẢI VỀ TRẠM XỬ LÝ LÀM SẠCH ĐẠT TIÊU CHUẨN A TRƯỚC KHI XẢ RA MÔI TRƯỜNG.

3- KHỐI LƯỢNG XÂY DỰNG:

+ XÂY DỰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI KCN :
Q = 68.000 m³/ngđ

+ XÂY DỰNG MẠNG LƯỚI THOÁT NƯỚC THẢI :
- D300: 683m; D400: 67.332m; D500: 9.015m; D600: 5.719m
- D800: 4.847m; D1200: 518m.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT / UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH / SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CƠ QUAN THỎA THUẬN / AGREEMENT INSPECTOR	
KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CHỦ ĐẦU TƯ / INVESTOR	
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ ..... NGÀY ..... THÁNG ..... NĂM	
CÔNG TRÌNH- ĐỊA ĐIỂM: ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000	
KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX - BÌNH PHƯỚC HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC	
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC BẨN VÀ VSMT (KHU A)	
BẢN VẼ : 05	GHÉP : / TỶ LỆ: 1/2000 / NGÀY HT: /2020
THIẾT KẾ	KS. LÊ TẤN KHANH
CHỦ TRÌ	KS. LÊ TẤN KHANH
CHỦ NHIỆM	KTS. VÕ THANH TUYỀN
QL KỸ THUẬT	KTS. LÊ TẤN VINH
GĐ TT QH	KTS. VÕ THANH TUYỀN
BECAMEX	TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ / DESIGN DEPT TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP- CT CP BECAMEX IDC	

BM-35-01-20080001